

**QUỐC HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Luật số: 69/2006/QH11*

**QUỐC HỘI**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Khóa XI, kỳ họp thứ 9**  
***(Từ ngày 16 tháng 5 đến ngày 29 tháng 6 năm 2006)***

**LUẬT**  
**TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về trợ giúp pháp lý.

*Chương I*  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về người được trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý, hoạt động trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

**Điều 3. Trợ giúp pháp lý**

Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này, giúp người được trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật.

**Điều 4. Nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý**

1. Không thu phí, lệ phí, thù lao từ người được trợ giúp pháp lý.
2. Trung thực, tôn trọng sự thật khách quan.
3. Sử dụng các biện pháp phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.
4. Tuân thủ pháp luật và quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý.
5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trợ giúp pháp lý.

**Điều 5. Vụ việc trợ giúp pháp lý**

Vụ việc trợ giúp pháp lý phải liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý và không thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

**Điều 6. Chính sách trợ giúp pháp lý**

1. Trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của Nhà nước.
2. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong việc thực hiện, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý; khuyến khích, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức hành nghề luật sư và Luật sư, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia thực hiện, đóng góp, hỗ trợ hoạt động trợ giúp pháp lý.

**Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động trợ giúp pháp lý**

1. Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, thành viên, hội viên và cá nhân khác làm việc tại cơ quan, tổ chức mình làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý.
2. Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp, tạo điều

kiện, cung cấp thông tin, tài liệu cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để trợ giúp pháp lý.

### **Điều 8. Quỹ trợ giúp pháp lý**

1. Quỹ trợ giúp pháp lý được lập để hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý; hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện làm việc cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý ở địa phương có khó khăn về kinh tế.

2. Nguồn tài chính của Quỹ trợ giúp pháp lý gồm đóng góp tự nguyện, tài trợ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

3. Quỹ trợ giúp pháp lý hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được miễn thuế. Việc quản lý và sử dụng quỹ trợ giúp pháp lý phải đúng mục đích và theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định cụ thể việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ trợ giúp pháp lý.

### **Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Nghiêm cấm tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện các hành vi sau đây:

a) Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý; phân biệt đối xử người được trợ giúp pháp lý;

b) Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ người được trợ giúp pháp lý; sách nhiễu người được trợ giúp pháp lý;

c) Tiết lộ thông tin, bí mật về vụ việc trợ giúp pháp lý, về người được trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp người được trợ giúp pháp lý đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác;

d) Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 45 của Luật này và theo quy định của pháp luật về tố tụng;

đ) Lợi dụng hoạt động trợ giúp pháp lý để trục lợi;

e) Lợi dụng hoạt động trợ giúp pháp lý gây mất trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

g) Xúi giục người được trợ giúp pháp lý khai, cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, khiêu nại, tố cáo, khởi kiện trái pháp luật.

2. Nghiêm cấm người được trợ giúp pháp lý, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người thực hiện trợ giúp pháp lý;
- b) Cố tình cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về vụ việc trợ giúp pháp lý;
- c) Cản trở hoạt động trợ giúp pháp lý; gây rối, làm mất trật tự nơi thực hiện trợ giúp pháp lý.

## *Chương II*

### **NGƯỜI ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

#### **Điều 10. Người được trợ giúp pháp lý**

1. Người nghèo.
2. Người có công với cách mạng.
3. Người già cô đơn, người tàn tật và trẻ em không nơi nương tựa.
4. Người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

#### **Điều 11. Quyền của người được trợ giúp pháp lý**

1. Tự mình hoặc thông qua người thân thích, người đại diện yêu cầu trợ giúp pháp lý.
2. Lựa chọn người thực hiện trợ giúp pháp lý; yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý khi người đó thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật này.
3. Thay đổi, rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.
4. Yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý.
5. Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
6. Khiêu nại, tố cáo về trợ giúp pháp lý.

**Điều 12. Nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý**

1. Cung cấp giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.
2. Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu đó.
3. Tôn trọng tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện trợ giúp pháp lý.
4. Không yêu cầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác trợ giúp pháp lý cho mình về một vụ việc đang được tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trợ giúp.
5. Chấp hành pháp luật về trợ giúp pháp lý và nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**Điều 13. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý**

1. Các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý là Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.
2. Các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm:
  - a) Tổ chức hành nghề luật sư;
  - b) Tổ chức tư vấn pháp luật thuộc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là tổ chức tư vấn pháp luật).

**Điều 14. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước**

1. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập.
2. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng. Biên chế và kinh phí hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.



3. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có Giám đốc, Phó giám đốc, Trợ giúp viên pháp lý. Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước**

1. Thực hiện trợ giúp pháp lý.
2. Đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc trợ giúp pháp lý.
3. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong khi thực hiện trợ giúp pháp lý.
4. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về trợ giúp pháp lý.
5. Giải quyết khiếu nại theo quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật này.
6. Giải quyết tranh chấp trong trợ giúp pháp lý.
7. Kiến nghị về những vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật.

**Điều 16. Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước**

1. Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

2. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Chi nhánh. Trưởng Chi nhánh là Trợ giúp viên pháp lý và do Giám đốc Sở Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

**Điều 17. Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật**

1. Tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật tham gia trợ giúp pháp lý phải đăng ký bằng văn bản về phạm vi, hình thức, lĩnh vực trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp nơi đã cấp Giấy đăng ký hoạt động.

2. Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý được thực hiện theo mẫu thống nhất và phù hợp với phạm vi, hình thức, lĩnh vực pháp luật được ghi trong Giấy đăng ký hoạt động.

**Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật khi tham gia trợ giúp pháp lý**

1. Thực hiện trợ giúp pháp lý theo Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.
2. Đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.
3. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong khi thực hiện trợ giúp pháp lý.
4. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về trợ giúp pháp lý.
5. Giải quyết tranh chấp trong trợ giúp pháp lý.
6. Kiến nghị về những vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật.

**Điều 19. Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật**

1. Tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý trong các trường hợp sau đây:
  - a) Tự chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý;
  - b) Không được tiếp tục tham gia trợ giúp pháp lý trong trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật này;
  - c) Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.
2. Khi chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật phải thông báo cho Sở Tư pháp nơi đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý; chuyển hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý đang trợ giúp đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ở địa phương nơi đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan.

**Chương IV**

**NGƯỜI THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**Điều 20. Người thực hiện trợ giúp pháp lý**

1. Người thực hiện trợ giúp pháp lý là Trợ giúp viên pháp lý và người tham gia trợ giúp pháp lý.

2. Người tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm:

a) Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (sau đây gọi là cộng tác viên);

b) Luật sư;

c) Tư vấn viên pháp luật làm việc trong tổ chức tư vấn pháp luật (sau đây gọi là Tư vấn viên pháp luật).

3. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được tham gia trợ giúp pháp lý:

a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích hoặc đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

b) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục hoặc quản chế hành chính;

c) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn ba năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực;

đ) Đang bị tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư; bị thu hồi Giấy chứng nhận tư vấn viên pháp luật.

### **Điều 21. Trợ giúp viên pháp lý**

1. Trợ giúp viên pháp lý là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có đủ tiêu chuẩn sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có bằng cử nhân luật;

c) Có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý;

d) Có thời gian làm công tác pháp luật từ hai năm trở lên;

đ) Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Trợ giúp viên pháp lý là viên chức nhà nước, làm việc tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực



thuộc trung ương cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

3. Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý bằng các hình thức sau đây:

a) Tư vấn pháp luật;

b) Tham gia tố tụng với tư cách người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo để thực hiện việc bào chữa; người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự; người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính;

c) Đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý để thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật;

d) Thực hiện các hình thức trợ giúp pháp lý khác.

## **Điều 22. Cộng tác viên**

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, tự nguyện tham gia trợ giúp pháp lý mà không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 của Luật này thì được Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trong các trường hợp sau đây:

a) Người có bằng cử nhân luật; người có bằng đại học khác làm việc trong các ngành, nghề có liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

b) Người thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi có bằng trung cấp luật hoặc có thời gian làm công tác pháp luật từ ba năm trở lên hoặc có kiến thức pháp luật và có uy tín trong cộng đồng;

c) Luật sư, Tư vấn viên pháp luật.

2. Cộng tác viên tham gia trợ giúp pháp lý theo sự phân công của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Cộng tác viên không phải là Luật sư chỉ tham gia trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật.

3. Khi tham gia trợ giúp pháp lý, cộng tác viên được hưởng chế độ bồi dưỡng và chi phí hành chính theo quy định của pháp luật.

**Điều 23. Luật sư tham gia trợ giúp pháp lý**

Luật sư tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về luật sư, tham gia trợ giúp pháp lý với tư cách cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước theo quy định của Luật này.

**Điều 24. Tư vấn viên pháp luật tham gia trợ giúp pháp lý**

Tư vấn viên pháp luật tham gia trợ giúp pháp lý theo sự phân công của tổ chức tư vấn pháp luật nơi họ làm việc, tham gia trợ giúp pháp lý với tư cách cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

**Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của người thực hiện trợ giúp pháp lý**

1. Thực hiện trợ giúp pháp lý.
2. Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 45 của Luật này và theo quy định của pháp luật về tố tụng.
3. Được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý.
4. Tuân thủ nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý.
5. Tuân thủ nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý.
6. Kịp thời báo cáo với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý những vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện trợ giúp pháp lý.

**Chương V****PHẠM VI, HÌNH THỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ****Mục 1****PHẠM VI, HÌNH THỨC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ****Điều 26. Phạm vi thực hiện trợ giúp pháp lý**

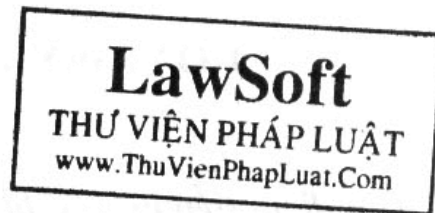
1. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi sau đây:

- a) Người được trợ giúp pháp lý đang cư trú tại địa phương;
- b) Vụ việc trợ giúp pháp lý xảy ra tại địa phương;
- c) Vụ việc trợ giúp pháp lý do tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác chuyển đến.

2. Tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật tham gia trợ giúp pháp lý trong phạm vi đăng ký.

### **Điều 27. Các hình thức trợ giúp pháp lý**

1. Tư vấn pháp luật.
2. Tham gia tố tụng.
3. Đại diện ngoài tố tụng.
4. Các hình thức trợ giúp pháp lý khác.



### **Điều 28. Tư vấn pháp luật**

Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên, Luật sư, Tư vấn viên pháp luật thực hiện tư vấn pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý bằng việc hướng dẫn, giải đáp, đưa ra ý kiến, cung cấp thông tin pháp luật, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

### **Điều 29. Tham gia tố tụng**

1. Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư tham gia tố tụng hình sự để bào chữa cho người được trợ giúp pháp lý là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc để bảo vệ quyền lợi của người được trợ giúp pháp lý là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự.

2. Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư tham gia tố tụng dân sự, tố tụng hành chính để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

### **Điều 30. Đại diện ngoài tố tụng**

1. Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư thực hiện đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý khi họ không thể tự bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Việc đại diện ngoài tố tụng được thực hiện trong phạm vi yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý.

**Điều 31. Các hình thức trợ giúp pháp lý khác**

Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư thực hiện các hình thức trợ giúp pháp lý khác cho người được trợ giúp pháp lý bằng việc giúp đỡ họ hòa giải, thực hiện những công việc liên quan đến thủ tục hành chính, khiếu nại và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

**Mục 2****HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ****Điều 32. Địa điểm tiếp người được trợ giúp pháp lý**

1. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bố trí nơi tiếp người được trợ giúp pháp lý, bảo đảm các điều kiện để họ trình bày yêu cầu được dễ dàng, thuận lợi.
2. Tại nơi tiếp phải niêm yết lịch tiếp, nội quy tiếp người được trợ giúp pháp lý.

**Điều 33. Yêu cầu trợ giúp pháp lý**

Người được trợ giúp pháp lý phải có đơn yêu cầu hoặc gặp người thực hiện trợ giúp pháp lý trình bày và có giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý. Trong trường hợp người được trợ giúp pháp lý không thể tự mình viết đơn yêu cầu thì người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm ghi các nội dung vào mẫu đơn, để họ tự đọc hoặc đọc lại cho họ nghe và yêu cầu họ ký tên hoặc điểm chỉ.

**Điều 34. Thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý**

1. Người tiếp nhận đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý; nếu yêu cầu trợ giúp pháp lý thuộc vụ việc, đối tượng, phạm vi trợ giúp pháp lý quy định tại các điều 5, 10 và 26 của Luật này thì phải thụ lý.

2. Trong trường hợp người được trợ giúp pháp lý còn thiếu những giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý hoặc giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý thì người tiếp nhận yêu cầu phải hướng dẫn họ cung cấp các giấy tờ, tài liệu đó.

**Điều 35. Thực hiện trợ giúp pháp lý**

Khi thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải nghiên cứu

đầy đủ, toàn diện giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ vụ việc liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý, các tình tiết của vụ việc và các quy định của pháp luật có liên quan; sử dụng các biện pháp phù hợp với quy định của pháp luật để thực hiện trợ giúp pháp lý.

### **Điều 36. Phối hợp xác minh vụ việc trợ giúp pháp lý**

1. Trong trường hợp cần xác minh các tình tiết, sự kiện có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý ở địa phương khác thì Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đã thụ lý vụ việc được yêu cầu Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước nơi cần xác minh phối hợp thực hiện. Yêu cầu xác minh phải bằng văn bản, nêu rõ nội dung cần xác minh và thời hạn trả lời.

2. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được yêu cầu xác minh có trách nhiệm thực hiện và thông báo kết quả bằng văn bản kèm theo các giấy tờ, tài liệu có liên quan cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước yêu cầu.

3. Văn bản yêu cầu xác minh, văn bản thông báo kết quả thực hiện và các giấy tờ, tài liệu có liên quan phải được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý.

### **Điều 37. Chuyển vụ việc trợ giúp pháp lý**

1. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chuyển vụ việc trợ giúp pháp lý bằng văn bản kèm theo hồ sơ cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ở địa phương khác để thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này và thông báo cho người được trợ giúp pháp lý biết.

2. Kể từ ngày nhận được văn bản chuyển vụ việc kèm theo hồ sơ, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm thụ lý vụ việc và thông báo cho người được trợ giúp pháp lý biết.

### **Điều 38. Hoạt động tư vấn pháp luật**

1. Tư vấn pháp luật được thực hiện bằng miệng hoặc bằng văn bản; tư vấn trực tiếp, bằng thư tín, điện tín hoặc thông qua phương tiện thông tin khác; thông qua trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý và các phương thức khác.

2. Đối với vụ việc đơn giản, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải tư vấn ngay và ghi chép những nội dung chính trong phiếu thực hiện trợ giúp pháp lý. Phiếu thực hiện trợ giúp pháp lý được lập thành hai bản, một bản giao cho người được trợ giúp pháp lý, một bản được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc.



3. Đối với vụ việc phức tạp, cần có thời gian nghiên cứu, xác minh hoặc vụ việc thiếu những giấy tờ, tài liệu có liên quan thì người thực hiện trợ giúp pháp lý phải viết phiếu hẹn hoặc yêu cầu bổ sung các giấy tờ, tài liệu còn thiếu.

Trong thời hạn không quá mười lăm ngày, kể từ ngày thụ lý vụ việc hoặc nhận đủ các giấy tờ, tài liệu cần bổ sung, người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời bằng văn bản cho người được trợ giúp pháp lý; trong trường hợp vụ việc cần có thời gian để xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá ba mươi ngày.

4. Đối với vụ việc yêu cầu tư vấn được chuyển đến bằng thư tín, người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý.

### **Điều 39. Hoạt động tham gia tố tụng**

1. Khi người được trợ giúp pháp lý yêu cầu cử người tham gia tố tụng quy định tại Điều 29 của Luật này, trong thời hạn không quá ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng.

Việc cử người tham gia tố tụng phải được lập thành văn bản và gửi cho người được trợ giúp pháp lý, cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng cấp giấy chứng nhận người bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự hoặc giấy chứng nhận người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận tham gia tố tụng) cho Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư trong thời hạn không quá ba ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người tham gia tố tụng, trừ trường hợp pháp luật tố tụng có quy định khác.

Việc cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho Luật sư tham gia trợ giúp pháp lý do tổ chức hành nghề luật sư cử hoặc Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về luật sư.

3. Giấy chứng nhận tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư có giá trị trong các giai đoạn tố tụng, trừ trường hợp bị thu hồi hoặc Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư bị thay đổi, không được tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

4. Khi tham gia tố tụng, Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư xuất trình giấy chứng nhận tham gia tố tụng, thẻ Trợ giúp viên pháp lý hoặc thẻ Luật sư; có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; được sử dụng các biện pháp mà pháp luật tố tụng quy định để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý.

#### **Điều 40. Hoạt động đại diện ngoài tố tụng**

1. Trong thời hạn không quá ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý làm đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý.

Việc cử người làm đại diện ngoài tố tụng phải được lập thành văn bản và gửi cho người được trợ giúp pháp lý.

2. Khi thực hiện đại diện ngoài tố tụng, người đại diện có trách nhiệm sử dụng các biện pháp phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý.

#### **Điều 41. Hoạt động trợ giúp pháp lý khác**

1. Theo yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức hành nghề luật sư cử người thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý khác cho họ theo quy định tại Điều 31 của Luật này.

2. Việc thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý khác phải được ghi thành biên bản.

#### **Điều 42. Kiến nghị thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý**

Thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý kiến nghị bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật. Cơ quan nhận được kiến nghị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 43. Hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý**

1. Khi thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải lập hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý. Hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý gồm có:

- a) Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý;
- b) Giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý;

c) Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

2. Đối với vụ việc trợ giúp pháp lý được thực hiện bằng hình thức tư vấn pháp luật, ngoài các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, trong hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý còn phải có phiếu thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc văn bản tư vấn pháp luật.

3. Đối với vụ việc trợ giúp pháp lý được thực hiện bằng hình thức tham gia tố tụng, ngoài các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, trong hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý còn phải có các giấy tờ sau đây:

a) Văn bản cử Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư;

b) Bản bào chữa, bản bảo vệ quyền lợi cho người được trợ giúp pháp lý.

4. Đối với vụ việc trợ giúp pháp lý được thực hiện bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng, ngoài các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, trong hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý còn phải có bản báo cáo về những công việc đã thực hiện trong phạm vi đại diện ngoài tố tụng của người thực hiện trợ giúp pháp lý.

5. Đối với vụ việc trợ giúp pháp lý được thực hiện bằng các hình thức trợ giúp pháp lý khác, ngoài các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, trong hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý còn phải có biên bản về việc thực hiện trợ giúp pháp lý.

#### **Điều 44. Lưu trữ hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý**

1. Trong thời hạn không quá mười lăm ngày, kể từ ngày hoàn thành vụ việc, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải bàn giao hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

2. Hồ sơ từng vụ việc trợ giúp pháp lý được phân loại, đánh số, sắp xếp theo thứ tự thời gian, hình thức, lĩnh vực pháp luật trợ giúp pháp lý và được lưu trữ trong thời hạn năm năm, kể từ ngày hồ sơ được bàn giao.

#### **Điều 45. Từ chối hoặc không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý**

1. Vụ việc trợ giúp pháp lý bị từ chối hoặc không được tiếp tục thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người có yêu cầu trợ giúp pháp lý không thuộc đối tượng quy định tại Điều 10 của Luật này;

b) Người được trợ giúp pháp lý cố tình cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về vụ việc;

c) Người được trợ giúp pháp lý vi phạm nghiêm trọng nội quy hoặc có hành vi làm mất trật tự nơi thực hiện trợ giúp pháp lý; xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người thực hiện trợ giúp pháp lý;

d) Người được trợ giúp pháp lý rút yêu cầu trợ giúp pháp lý;

d) Vụ việc đang được một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác trợ giúp;

e) Vụ việc trợ giúp pháp lý không phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 26 của Luật này;

g) Vụ việc trợ giúp pháp lý thuộc trường hợp chuyển vụ việc trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 37 của Luật này.

2. Người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối hoặc không được tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã hoặc đang thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý là một bên có quyền lợi đối lập nhau trong cùng một vụ việc, trừ trường hợp hòa giải, giải đáp pháp luật;

b) Có quyền, lợi ích hợp pháp hoặc có người thân thích liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý;

c) Người thực hiện trợ giúp pháp lý đã từng là người giải quyết vụ việc đó;

d) Có căn cứ khác cho rằng người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể không khách quan trong thực hiện trợ giúp pháp lý.

3. Trong trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối hoặc không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử người khác thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý hướng dẫn, giới thiệu người được trợ giúp pháp lý đến người thực hiện trợ giúp pháp lý khác để được trợ giúp pháp lý.

4. Trường hợp từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người được trợ giúp pháp lý.



## *Chương VI*

# QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

### **Điều 46. Nội dung quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý**

1. Xây dựng, ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về trợ giúp pháp lý; xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trợ giúp pháp lý.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ, tiêu chuẩn, chế độ, chính sách, quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý.

3. Quản lý, hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; cấp, thu hồi, thay đổi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật; xây dựng các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động trợ giúp pháp lý.

4. Quản lý, bồi dưỡng đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý; cấp, thu hồi thẻ Trợ giúp viên pháp lý; công nhận, cấp, thu hồi thẻ cộng tác viên; quy định mẫu đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý, mẫu thẻ Trợ giúp viên pháp lý, mẫu thẻ cộng tác viên; ấn hành các tài liệu về trợ giúp pháp lý.

5. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về trợ giúp pháp lý.

6. Bảo đảm kinh phí, phương tiện hoạt động và điều kiện vật chất khác cho hoạt động trợ giúp pháp lý của Nhà nước; xây dựng, quản lý Quỹ trợ giúp pháp lý.

7. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, kỷ luật và xử lý vi phạm trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

8. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý.

### **Điều 47. Cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.



4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý tại địa phương; có trách nhiệm bảo đảm biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, kỷ luật và xử lý vi phạm về trợ giúp pháp lý trong phạm vi địa phương.

### *Chương VII*

## **XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ TRANH CHẤP**

### **Điều 48. Xử lý vi phạm**

1. Người thực hiện trợ giúp pháp lý, người được trợ giúp pháp lý hoặc người khác có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; trong trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm thì không được tiếp tục tham gia trợ giúp pháp lý.

3. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở, gây khó khăn cho hoạt động trợ giúp pháp lý hoặc vi phạm pháp luật về trợ giúp pháp lý thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức, thẩm quyền, thủ tục xử lý vi phạm hành chính về trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

### **Điều 49. Giải quyết khiếu nại, tố cáo**

1. Người được trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại đối với các hành vi sau đây của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên khi

có căn cứ cho rằng hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình:

- a) Từ chối thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý;
- b) Không thực hiện trợ giúp pháp lý;
- c) Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm giải quyết khiếu nại đối với các hành vi quy định tại khoản này trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, người khiếu nại có quyền khiếu nại lên Giám đốc Sở Tư pháp. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giải quyết khiếu nại.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại về việc cấp, thay đổi, thu hồi Giấy đăng ký thực hiện trợ giúp pháp lý; cấp, thu hồi thẻ cộng tác viên; quyết định xử lý kỷ luật, quyết định xử phạt hành chính và các quyết định hành chính, hành vi hành chính khác trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý.

Việc giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

3. Cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm các quy định của Luật này. Việc tố cáo và giải quyết tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

### **Điều 50. Giải quyết tranh chấp**

1. Trong trường hợp có tranh chấp giữa người được trợ giúp pháp lý với Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Tư vấn viên pháp luật, tổ chức tư vấn pháp luật liên quan đến việc thực hiện trợ giúp pháp lý thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trong trường hợp có tranh chấp giữa người được trợ giúp pháp lý và Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư liên quan đến việc thực hiện trợ giúp pháp lý thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về luật sư và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

*Chương VIII*  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 51. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

**Điều 52. Hướng dẫn thi hành**

Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này.

---

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006./.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Nguyễn Phú Trọng**